

THÔNG BÁO

Về việc công khai bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026 trường THCS Chu Văn An, phường Cẩm Phả

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2026; Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 08/6/2026 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2026; Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách cấp phường năm 2026; Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 25/9/2026 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 30/09/2026 của UBND phường Cẩm Phả về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026 cho Trường THCS Chu Văn An kinh phí tổ chức Lễ khai mạc Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời;

Căn cứ Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 30/09/2026 của UBND phường Cẩm Phả về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026 cho Trường THCS Chu Văn An để thực hiện nhiệm vụ mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và mua sắm thiết bị dạy học năm 2026 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 30/09/2026 của UBND phường Cẩm Phả về việc phê duyệt phân bổ, bổ sung dự toán chi do tăng lương cơ sở, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng năm 2026;

Trường THCS Chu Văn An thông báo công khai bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026 để thực hiện kinh phí CCTL, kinh phí sửa chữa PHTM, kinh phí

tổ chức tuần lễ học tập suốt đời, quỹ thưởng Trường THCS Chu Văn An, phường Cẩm Phả như sau:

Đvt: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	454.844.740
I	Nguồn ngân sách trong nước	454.844.740
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	454.844.740
3.1	Kinh phí tự chủ	260.584.000
3.2	Kinh phí không giao tự chủ	194.260.740
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

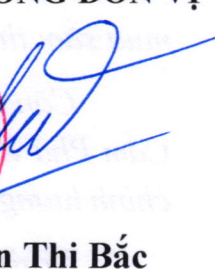
Quyết định công khai được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của nhà trường: [https:// theschuvanancamphaquangninh.edu.vn /](https://theschuvanancamphaquangninh.edu.vn/)

Thời gian giải trình, làm rõ số liệu dự toán là 30 ngày, kể từ ngày đăng công khai quyết định công khai bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2026. Mọi ý kiến cần xác minh, giải trình làm rõ đối với số liệu bổ sung dự toán trên đề nghị gửi về lãnh đạo nhà trường để được xem xét giải quyết theo quy định.

Nơi nhận:

- CBGVNV nhà trường;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Thị Bắc

Số: /QĐ-UBND

Cẩm Phả, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026
cho Trường THCS Chu Văn An kinh phí tổ chức Lễ khai mạc
Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CẨM PHẢ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định thẩm quyền phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương theo Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2026; Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 08/6/2026 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2026; Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách cấp phường năm 2026; Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 25/9/2026 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-THCSCVA ngày 28/9/2026 của trường THCS Chu Văn An về việc phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí tổ chức Lễ khai mạc Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2026;

Xét đề nghị của Trường THCS Chu Văn An tại Tờ trình số 585/TTr-THCSCVA ngày 28/9/2026; của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 177/TTr-KT ngày 30/9/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026 cho Trường THCS Chu Văn An kinh phí tổ chức Lễ khai mạc Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời; số tiền:

23.160.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2026.

(Chi tiết theo biểu gửi kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Phòng Kinh tế theo dõi nguồn bổ sung kinh phí theo quy định.

- Trường THCS Chu Văn An chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung nhiệm vụ, cơ sở pháp lý của nội dung đề xuất; mức chi; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bổ sung đúng mục đích, đúng chế độ, chính sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành; bảo đảm hiệu quả, không để xảy ra lãng phí, thất thoát ngân sách nhà nước.

- Đề nghị Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực III nhập bổ sung kinh phí, kiểm soát chi theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông, bà: Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường; Trưởng phòng Kinh tế; Hiệu trưởng Trường THCS Chu Văn An; Đề nghị Giám đốc phòng giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực III và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/hiện);
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Việt Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG CẨM PHẢ

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026 CHO TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN KINH PHÍ
TỔ CHỨC LỄ KHAI MẠC TUẦN LỄ HƯỞNG ỨNG HỌC TẬP SUỐT ĐỜI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /09/2026 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả)

TT	Nội dung	Đơn vị đề xuất				Kinh phí phê duyệt		chênh lệch	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		
1	Thuê trang phục, làm nhạc biểu diễn văn nghệ (02 tiết mục)				5.120.000		5.120.000	–	
1.1	Thuê váy múa dài	Bộ	24	80.000	1.920.000	80.000	1.920.000	–	
1.2	Thuê chân váy nữ sinh, nơ cài tóc	Chiếc	12	65.000	780.000	65.000	780.000	–	
1.3	Thuê hoa múa	Chiếc	12	35.000	420.000	35.000	420.000	–	
1.4	Làm nhạc, thu âm	Bài	2	1.000.000	2.000.000	1.000.000	2.000.000	–	
2	Thuê màn hình LED	Chiếc	1	9.720.000	9.720.000	9.000.000	9.000.000	(720.000)	
3	Nước uống đại biểu	Người	70	20.000	1.400.000	20.000	1.400.000	–	
4	Phướn thả, khẩu hiệu và chào mừng	Chiếc	2	2.700.000	5.400.000	2.500.000	5.000.000	(400.000)	
5	Poster tuyên truyền: in bạt căng khung sắt	Bộ	4	600.000	2.400.000	600.000	2.400.000	–	
6	Hoa tươi để bàn đại biểu	Bát	2	120.000	240.000	120.000	240.000	–	
TỔNG CỘNG					24.280.000		23.160.000	(1.120.000)	

Số: /QĐ-UBND

Cẩm Phả, ngày tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026
cho Trường THCS Chu Văn An để thực hiện nhiệm vụ mua sắm,
bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và mua sắm thiết bị dạy học năm 2026 (đợt 2)**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CẨM PHẢ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2026; Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 08/6/2026 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2026; Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách cấp phường năm 2026; Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 25/9/2026 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả về việc bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026 cho Trường THCS Chu Văn An để thực hiện nhiệm vụ mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và mua sắm thiết bị dạy học năm 2026 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 20/8/2026 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc trên địa bàn phường Cẩm Phả;

Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-THCSCVA ngày 03/8/2026 của Trường THCS Chu Văn An về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự kiến kinh phí mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và thiết bị dạy học tối thiểu năm 2026;

Xét đề nghị của Trường THCS Chu Văn An tại Tờ trình số 592/TTr-THCSCVA ngày 30/9/2026 và của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 181/TTr-KT ngày 01/10/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2026 cho Trường THCS Chu Văn An để thực hiện nhiệm vụ mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công và mua sắm thiết bị dạy học năm 2026 (đợt 2); số tiền: **151.000.740 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi một triệu bảy trăm bốn mươi đồng chẵn*).

Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2026.

(Chi tiết theo biểu gửi kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Phòng Kinh tế theo dõi nguồn bổ sung kinh phí theo quy định.

- Trường THCS Chu Văn An chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung nhiệm vụ, cơ sở pháp lý, số lượng, chủng loại, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bổ sung đúng mục đích, đúng chế độ, chính sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành; bảo đảm hiệu quả, không để xảy ra lãng phí, thất thoát ngân sách nhà nước.

- Đề nghị Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực III nhập bổ sung kinh phí, kiểm soát chi theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông, bà: Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường; Trưởng phòng Kinh tế; Hiệu trưởng Trường THCS Chu Văn An; đề nghị Giám đốc Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực III và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/hiện);
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Việt Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG CẨM PHẢ

BIỂU BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026
CHO TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ MUA SẴM, BẢO DƯỠNG,
SỬA CHỮA TÀI SẢN CÔNG VÀ MUA SẴM THIẾT BỊ DẠY HỌC NĂM 2026 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả)

TT	Nội dung	Kinh phí phê duyệt			
		ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Thay thế panel màn hình hỏng bằng panel màn hình mới của Màn hình tương tác kèm phần mềm cho giáo viên Model: TE-LN-86 Hãng sản xuất: Foxcon Xuất xứ: Thái Lan	Chiếc	5	27.963.100	139.815.500
2	Thuế GTGT 8%				11.185.240
TỔNG CỘNG					151.000.740

Số: /QĐ-UBND Cẩm Phả, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phân bổ, bổ sung dự toán chi do tăng lương cơ sở, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng năm 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CẨM PHẢ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 162/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng;

Căn cứ Thông tư số 66/2026/TT-BTC ngày 16/6/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 162/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 23/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2026; các Quyết định của Ủy ban nhân dân phường Cẩm Phả: số 237/QĐ-UBND ngày 09/02/2026; số 644/QĐ-UBND ngày 07/5/2026; số 884/QĐ-UBND ngày 08/6/2026; số 1060/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 và số 1925/QĐ-UBND ngày 25/9/2026 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2026;

Theo đề nghị của các phòng, ban, đơn vị và của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 178/TTr-KT ngày 30/9/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ, bổ sung dự toán chi thường xuyên cho các phòng, đơn vị do tăng lương cơ sở, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã

hội và trợ cấp hằng tháng năm 2026 theo các Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026, số 162/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ, số tiền: **6.722,163 triệu đồng** (Sáu tỷ, bảy trăm hai mươi hai triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng./.). Trong đó:

- Phân bổ từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách phường, số tiền **6.112,998 triệu đồng** (Sáu tỷ một trăm mười hai triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng./.).

- Phân bổ từ nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị, số tiền **583,00 triệu đồng** (Năm trăm tám mươi ba triệu đồng./.).

- Phân bổ từ nguồn dự phòng ngân sách phường năm 2026, số tiền **26,165 triệu đồng** (Hai mươi sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng./.).

(Chi tiết theo các biểu gửi kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Phòng Kinh tế phường theo dõi nguồn phân bổ kinh phí bổ sung theo quy định.

- Giao Văn phòng HĐND và UBND, Văn phòng Đảng uỷ; phòng Văn hoá - Xã hội; phòng Kinh tế; phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm phục vụ hành chính công; Trung tâm Cung ứng dịch vụ Phường; Cơ quan UBMT tổ quốc Việt Nam phường; Các cơ sở giáo dục công lập: Tiếp nhận kinh phí và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân phường, cơ quan thanh tra, kiểm toán về thanh, quyết toán theo quy định hiện hành.

- Đề nghị Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc nhà nước khu vực III nhập điều chỉnh kinh phí, kiểm soát chi theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông, bà: Chánh: Văn phòng Đảng uỷ, Văn phòng HĐND và UBND Phường; Trưởng các phòng: Văn hoá - Xã hội; Kinh tế; Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc: Trung tâm phục vụ hành chính công, Trung tâm cung ứng dịch vụ Phường; Hiệu trưởng các trường công lập trên địa bàn; Đề nghị Giám đốc Phòng Giao dịch số 13 - Kho bạc Nhà nước khu vực III và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT; KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Việt Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CẨM PHẢ

TỔNG HỢP NHU CẦU, NGUỒN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2026/NĐ-CP NĂM 2026 TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND phường Cẩm Phả)
Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2026	NGUỒN TỪ TIẾT KIỆM 10% CHI THUỞNG XUYỀN, NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ				KINH PHÍ CẤP BỔ SUNG TỪ NGUỒN CCTL CỦA PHƯỜNG	Trong đó		
			TỔNG SỐ	TIẾT KIỆM 10% CHI THUỞNG XUYỀN	NGUỒN THU TỪ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP			Nguồn tự chủ (13)	Nguồn không tự chủ (18)	Nguồn không tự chủ (12)
					HỌC PHÍ	KHÁC				
A	B	1=2+6	2=3+4+5	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9
	TỔNG SỐ	6.695,998	583,000	-	583,000	-	6.112,998	5.507,510	333,669	280,711
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	5.321,702	583,000	-	583,000	-	4.738,702	4.472,036	266,666	-
	- Giáo dục:	5.321,702	583,000	-	583,000	-	4.738,702	4.472,036	266,666	-
	MN Hoa Sen	696,066	14,000		14,000		682,066	648,101	33,965	
	MN Cẩm Phả	642,754	55,000		55,000		587,754	555,777	31,977	
	TH Cẩm Phả	658,108	-				658,108	625,365	32,743	
	TH Phan Bội Châu	708,136	-				708,136	672,723	35,413	
	TH Hồ Tùng Mậu	618,053	-				618,053	587,198	30,855	
	THCS Cẩm Phả	812,123	204,000		204,000		608,123	567,015	41,108	
	THCS Nam Hải	793,778	198,000		198,000		595,778	555,273	40,505	
	THCS Chu Văn An	392,684	112,000		112,000		280,684	260,584	20,100	
2	Sự nghiệp y tế	369,039	-	-	-	-	369,039	348,266	20,773	-
	Trạm Y tế	369,039					369,039	348,266	20,773	
3	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	111,280	-	-	-	-	111,280	103,144	8,136	
	Trung tâm Cung ứng dịch vụ	111,280					111,280	103,144	8,136	
4	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	893,977	-	-	-	-	893,977	584,064	38,094	280,711
	- Quản lý NN	664,956	-	-	-	-	664,956	377,456	24,915	271,477
	Văn phòng HĐND-UBND	396,066					396,066	134,196	8,690	262,072
	Phòng Kinh tế	58,108					58,108	54,469	3,639	
	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường	73,773					73,773	69,159	4,614	
	Phòng Văn hóa và Xã hội	79,348					79,348	65,576	4,367	9,405
	Trung tâm Hành chính công	57,661					57,661	54,056	3,605	
	- Đảng, đoàn thể	229,021	-	-	-	-	229,021	206,608	13,179	9,234
	Văn phòng Đảng ủy	153,617					153,617	135,681	8,702	9,234
	Trung tâm Chính trị	16,422					16,422	15,512	0,910	
	Cơ quan UBMT Tổ quốc Việt Nam	58,982					58,982	55,415	3,567	

Ghi chú: Chi bao gồm nhu cầu, nguồn của các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên.

BẢO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SÔ 161/2026/NĐ-CP NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND phường Cẩm Phả)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2026	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2026	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2026 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP													
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN,
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC	
1	2	3	4	5 = 6 + 7 + 18	6	7= 8 + ...+17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)	825,00	820,00	12.501,57	6.849,00	3.956,29	176,90	90,21	18,64	2.490,80	-	-	199,31	-	967,09	50,54	1.696,28
I	KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ (3)	825,00	767,00	12.501,57	6.849,00	3.956,29	176,90	90,21	18,64	2.490,80	-	-	199,31	-	967,09	13,34	1.696,28
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	616,00	596,00	10.376,13	5.473,69	3.502,23	139,46	60,49	11,30	2.315,23	-	-	-	-	967,09	8,66	1.400,20
	- Giáo dục:	616,00	596,00	10.376,13	5.473,69	3.502,23	139,46	60,49	11,30	2.315,23	-	-	-	-	967,09	8,66	1.400,20
	MN Hoa Sen	79,00	78,00	1.359,05	697,18	479,44	18,25	10,18	4,28	309,65	-		-	-	136,85	0,23	182,42
	MN Cẩm Phả	82,00	81,00	1.253,70	656,37	430,39	18,95	10,18	3,00	291,10	-		-	-	106,92	0,23	166,94
	TH Cẩm Phả	72,00	71,00	1.283,64	672,09	440,03	16,61	5,97	-	296,36	-		-	-	119,69	1,40	171,52
	TH Phan Bội Châu	84,00	82,00	1.380,85	726,90	470,00	19,19	5,97	0,93	320,70	-		-	-	121,81	1,40	183,96
	TH Hồ Tùng Mậu	73,00	72,00	1.205,30	633,34	411,33	16,85	6,79	-	279,34	-		-	-	106,95	1,40	160,62
	THCS Cẩm Phả	88,00	85,00	1.582,61	843,79	521,18	19,89	7,37	1,94	331,90	-		-	-	159,15	0,94	217,63
	THCS Nam Hải	88,00	85,00	1.546,19	831,43	502,64	19,89	8,42	1,14	325,67	-		-	-	145,64	1,87	212,13
	THCS Chu Văn An	50,00	42,00	764,78	412,59	247,21	9,83	5,62	-	160,52	-		-	-	70,08	1,17	104,98
2	Sự nghiệp y tế	52,00	51,00	714,86	426,39	194,50	11,93	4,68	5,98	169,80	-	-	-	-	-	2,11	93,97
	Trạm Y tế	52,00	51,00	714,86	426,39	194,50	11,93	4,68	5,98	169,80	-		-		-	2,11	93,97
3	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	38,00	30,00	211,72	167,01	8,37	4,45	1,29	0,76	-	-	-	-	-	-	1,87	36,35
	Trung tâm Cung ứng dịch vụ	38,00	30,00	211,72	167,01	8,37	4,45	1,29	0,76	-	-		-		-	1,87	36,35
4	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	119,00	90,00	1.198,87	781,91	251,20	21,06	23,75	0,60	5,78	-	-	199,31	-	-	0,70	165,76
	- Quản lý NN	80,00	60,00	774,78	511,41	156,23	14,04	10,65	0,60	-	-	-	130,47	-	-	0,47	107,14
	Văn phòng HĐND-UBND	24,00	19,00	275,46	178,38	58,93	4,45	7,72	-	-	-		46,53		-	0,23	38,15
	Phòng Kinh tế	12,00	8,00	111,81	74,69	21,66	1,87	0,70	-	-	-		18,85		-	0,23	15,46
	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi	15,00	12,00	141,96	94,70	27,65	2,81	0,94	-	-	-		23,91		-	-	19,61
	Phòng Văn hóa và Xã hội	18,00	12,00	134,60	89,65	26,39	2,81	0,94	-	-	-		22,65		-	-	18,57
	Trung tâm Hành chính công	11,00	9,00	110,96	73,99	21,60	2,11	0,35	0,60	-	-		18,54		-	-	15,36
	- Đảng, đoàn thể	39,00	30,00	424,09	270,50	94,97	7,02	13,10	-	5,78	-	-	68,83	-	-	0,23	58,62
	Văn phòng Đảng ủy	24,00	19,00	278,50	178,61	61,05	4,45	9,01		-	-		47,36		-	0,23	38,84
	Trung tâm Chính trị	3,00	2,00	31,84	18,67	9,12	0,47	0,59	-	5,78	-		2,29		-	-	4,05
	Cơ quan UBMT Tổ quốc Việt Nam	12,00	9,00	113,75	73,22	24,80	2,11	3,51	-	-	-		19,18		-	-	15,73
II	PHỤ CẤP ĐẠI BIỂU HĐND	-	26,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18,25	-
	+ Đại biểu HĐND		26,00													18,25	
III	PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY	-	27,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18,95	-
	+ Ủy viên cấp xã		27,00													18,954	

Ghi chú:

(1) Chi tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối

(2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 3%, BHTN là 1%, KPCĐ là 2%.

(3) Chi tổng hợp nhu cầu kinh phí các đơn vị chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

BẢO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2026/NĐ-CP NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND phường Cẩm Phả)

Đơn vị: Triệu đồng

	NỘI DUNG	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2026 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2026/NĐ-CP														CHÊNH LỆCH QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG THÊM ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2026 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 161/2026/NĐ-CP	QUỸ TIỀN THƯỜNG NĂM 2026
		TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (I)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN,			
					PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÂU	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẲNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC				
1	2	19 =20 + 21 + 32	20	21= 22 + ... + 31	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33 = 19-5	34 = 33 x 6 tháng	35=(6 x 6 tháng + 20 x 6 tháng) x 10%
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)	13.516,66	7.405,12	4.277,53	191,27	97,53	20,15	2.693,05	-	-	215,49	-	1.045,62	54,65	1.834,01	1.018,11	6.108,636	333,669
I	KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ (3)	13.516,66	7.405,12	4.277,53	191,27	97,53	20,15	2.693,05	-	-	215,49	-	1.045,62	14,42	1.834,01	1.015,09	6.090,510	333,669
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	11.218,63	5.918,14	3.786,60	150,79	65,40	12,21	2.503,22	0,00	0,00	0,00	0,00	1.045,62	9,36	1.513,89	842,51	5.055,036	266,666
	- Giáo dục:	11.218,63	5.918,14	3.786,60	150,79	65,40	12,21	2.503,22	-	-	-	-	1.045,62	9,36	1.513,89	842,51	5.055,036	266,666
	MN Hoa Sen	1.469,40	753,79	518,37	19,73	11,01	4,63	334,79	-	-	-	-	147,96	0,25	197,24	110,35	662,101	33,965
	MN Cẩm Phả	1.355,50	709,67	465,34	20,49	11,01	3,25	314,73	-	-	-	-	115,60	0,25	180,50	101,80	610,777	31,977
	TH Cẩm Phả	1.387,87	726,67	475,76	17,96	6,45	-	320,42	-	-	-	-	129,41	1,52	185,44	104,23	625,365	32,743
	TH Phan Bội Châu	1.492,97	785,92	508,16	20,75	6,45	1,01	346,74	-	-	-	-	131,70	1,52	198,89	112,12	672,723	35,413
	TH Hồ Tùng Mậu	1.303,17	684,77	444,73	18,22	7,34	-	302,02	-	-	-	-	115,64	1,52	173,67	97,87	587,198	30,855
	THCS Cẩm Phả	1.711,11	912,31	563,50	21,51	7,97	2,10	358,85	-	-	-	-	172,07	1,01	235,31	128,50	771,015	41,108
	THCS Nam Hải	1.671,74	898,93	543,45	21,51	9,11	1,23	352,11	-	-	-	-	157,47	2,02	229,35	125,55	753,273	40,505
	THCS Chu Văn An	826,87	446,09	267,28	10,63	6,07	-	173,55	-	-	-	-	75,77	1,27	113,50	62,10	372,584	20,100
2	Sự nghiệp y tế	772,91	461,02	210,29	12,90	5,06	6,47	183,58	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	2,28	101,60	58,04	348,266	20,773
	Trạm Y tế	772,91	461,02	210,29	12,90	5,06	6,47	183,58	-	-	-	-	-	2,28	101,60	58,04	348,266	20,773
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	228,91	180,57	9,04	4,81	1,39	0,82	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	2,02	39,30	17,19	103,144	8,136
	Trung tâm Cung ứng dịch vụ	228,91	180,57	9,04	4,81	1,39	0,82	-	-	-	-	-	-	2,02	39,30	17,19	103,144	8,136
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.296,21	845,40	271,59	22,77	25,68	0,65	6,25	-	-	215,49	-	-	0,76	179,22	97,34	584,064	38,094
	- Quản lý NN	837,69	552,93	168,91	15,18	11,51	0,65	-	-	-	141,07	-	-	0,51	115,84	62,91	377,456	24,915
	Văn phòng HĐND-UBND	297,82	192,86	63,71	4,81	8,35	-	-	-	-	50,30	-	-	0,25	41,25	22,37	134,196	8,690
	Phòng Kinh tế	120,88	80,76	23,42	2,02	0,76	-	-	-	-	20,38	-	-	0,25	16,71	9,08	54,469	3,639
	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi	153,48	102,39	29,90	3,04	1,01	-	-	-	-	25,85	-	-	-	21,20	11,53	69,159	4,614
	Phòng Văn hóa và Xã hội	145,53	96,92	28,53	3,04	1,01	-	-	-	-	24,48	-	-	-	20,08	10,93	65,576	4,367
	Trung tâm Hành chính công	119,97	80,00	23,36	2,28	0,38	0,65	-	-	-	20,05	-	-	-	16,61	9,01	54,056	3,605
	- Đảng, đoàn thể	458,52	292,47	102,68	7,59	14,17	-	6,25	-	-	74,42	-	-	0,25	63,38	34,43	206,608	13,179
	Văn phòng Đảng ủy	301,12	193,11	66,01	4,81	9,74	-	-	-	-	51,21	-	-	0,25	41,99	22,61	135,681	8,702
	Trung tâm Chính trị	34,43	20,19	9,86	0,51	0,63	-	6,25	-	-	2,47	-	-	-	4,38	2,59	15,512	0,910
	Cơ quan UBMT Tổ quốc Việt Nam	122,98	79,16	26,81	2,28	3,80	-	-	-	-	20,74	-	-	-	17,01	9,24	55,415	3,567
II	PHỤ CẤP ĐẠI BIỂU HĐND	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19,73	-	1,48	8,892	-
	+ Đại biểu HĐND													19,73		1,48	8,892	
III	PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20,49	-	1,54	9,234	-
	+ Ủy viên cấp xã													20,49		1,54	9,234	

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CẨM PHẢ

**BẢNG TỔNG HỢP QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2026 CỦA CÁN BỘ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
ĐÃ NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND phường Cẩm Phả)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ NGƯỜI NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG ĐẾN 01/7/2026	QUỸ TRỢ CẤP THÁNG 7 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 75/2024/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP THÁNG 7 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 162/2026/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM THÁNG 7	BẢO HIỂM Y TẾ TĂNG THÊM THÁNG 7	TỔNG QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2026
A	B	1	2	3	4=3-2	5 = 1 x (3-2) x 4,5%	6 = (4+5) x 6T
	TỔNG SỐ						<u>9,405</u>
1	Nguyên bí thư, chủ tịch.		3,5	3,8	0	0,0	0
2	Nguyên Phó bí thư, phó chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên, Thư ký UBND Thư ký HĐND, xã đội		3,5	3,8	0	0,0	0
3	Các chức danh còn lại	5	17,500	19,000	1,500	0,068	9,405

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CẨM PH

TỔNG HỢP KINH PHÍ TĂNG/GIẢM THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ, Ở THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND phường Cẩm Phả)

Đơn vị: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG SỐ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, THÔN, TỔ DÂN PHỐ	MỨC KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH 33/2023/NĐ-CP	MỨC KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH 185/2026/NĐ-CP	QUỸ KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH 73/2024/NĐ-CP	QUỸ KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP 1 THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH 161/2026/NĐ-CP	QUỸ KHOẢN CBKCT TĂNG/GIẢM THÁNG 4	CHÊNH LỆCH KINH PHÍ KHOẢN QUỸ PHỤ CẤP NĂM 2026
A	B	1	2	3	4=1x2x2,34 trđ	5=1x3x2,53 trđ	6=1x(3-2)x2,34 trđ	7=6+(5-4) x 4 tháng
	TỔNG SỐ							253,180
I	Tổng số thôn, tổ dân phố							
	- Tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên	2	6,000	8,000	28,080	40,480	9,360	58,960
	- Số thôn có 350 hộ gia đình trở lên đến dưới 700 hộ, Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên đến dưới 1000 hộ	18	6,000	6,500	252,720	296,010	21,060	194,220

TỔNG HỢP CÁC KHOẢN PHỤ CẤP, TRỢ CẤP, HỖ TRỢ KHÁC TĂNG THÊM NĂM 2026 DO TĂNG LƯƠNG CƠ SỞ (NGOÀI NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND phường Cẩm Phả)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên phụ cấp, trợ cấp, hỗ trợ (1)	ĐVT	Số người	Hệ số phụ cấp	Kinh phí	Ghi chú
I	Văn phòng HĐND và UBND	Triệu đồng			16,068	
	Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ (với điều kiện hợp đồng được tính lương hệ số ngạch bậc như công chức, viên chức				16,068	
-	Nhu cầu kinh phí tăng thêm lương			13,22	15,070	
-	Nhu cầu kinh phí tăng thêm quỹ thưởng			8,75	0,998	
II	Văn phòng Đảng ủy	Triệu đồng			3,980	
	Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ (với điều kiện hợp đồng được tính lương hệ số ngạch bậc như công chức, viên chức			3,367	3,980	
-	Nhu cầu kinh phí tăng thêm lương			3,27	3,725	
-	Nhu cầu kinh phí tăng thêm quỹ thưởng			2,23	0,255	
III	Trạm Y tế	Triệu đồng			6,117	
	Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ (với điều kiện hợp đồng được tính lương hệ số ngạch bậc như công chức, viên chức				6,117	
-	Nhu cầu kinh phí tăng thêm lương			5,04	5,745	
-	Nhu cầu kinh phí tăng thêm quỹ thưởng			3,26	0,372	
	TỔNG CỘNG				26,165	